

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
(9 THÁNG)**

Từ 01/01/2026 - 30/09/2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Y Tế Đồng Nai công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng năm 2026 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	4.725	3.630	77%	116%
1	Lệ phí				
2	Phí	4.725	3.630	77%	116%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	4.725	3.630	77%	116%
1	Lệ phí				
2	Phí	4.725	3.630	77%	116%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	117.225	97.808	83%	162%
I	Nguồn ngân sách trong nước	117.225	97.808	83%	162%
1	Chi quản lý hành chính	34.596	16.058	46%	78%
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	21.227	12.747	60%	70%
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	13.369	3.311	25%	132%
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	4.500		0%	0%
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.050		0,0%	0,0%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10.432	4.511	43,2%	11,8%
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	16.312	4.511	27,7%	11,8%
5	Chi bảo đảm xã hội	67.697	77.239	114,10%	5825%
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	127.950	77.239	60,37%	5825%
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 12 tháng 10 năm 2026

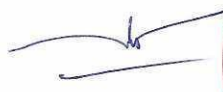
Người lập

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh



Nguyễn Thị Thu Hiền



Đỗ Thị Nguyên